



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM
CT CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC HN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 49/HEID-CV
V/v: Công bố BCTC hợp nhất năm 2019

Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2020

Kính gửi: Ủy Ban chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty: Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
2. Mã chứng khoán: EID
3. Địa chỉ trụ sở chính: 187B Giảng Võ – Cát Linh- Đống Đa – Hà Nội
4. Điện thoại: 0.4.35123939 – Fax: 0.4.35123838
5. Người thực hiện công bố thông tin: Vũ Bá Khánh (Tổng Giám đốc Công ty – Người Đại diện trước Pháp luật).
6. Nội dung công bố thông tin: Báo cáo Tài chính hợp nhất năm 2019 của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội (được lập ngày 18/03/2020).
7. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: <http://www.heid.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung thông tin công bố.

✓ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT ✓

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TCHC



CÔNG TY CỔ
PHẦN ĐẦU
TƯ VÀ PHÁT
TRIỂN GIÁO
DỤC HÀ NỘI

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC HÀ NỘI
DN: C=VN, S=HÀ NỘI, L=Đống Đa, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC HÀ NỘI,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=M
ST:0102222393
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2020-03-24 11:06:16
Foxit Reader Version: 9.7.0



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM
CT CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC HN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : ..50../HEID-CV

V/v: Giải trình chênh lệch tăng LNST trong BCTC HN
của năm 2019 so với năm 2018

Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2020

Kính gửi: Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội (HEID) đã có Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2019 gửi lên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo đúng quy định. Tuy nhiên một số chỉ tiêu về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của năm 2019 có tăng hơn so với năm 2018 (chênh lệch trên 10%). Vì vậy, Công ty chúng tôi làm công văn này xin giải trình đến Quý Sở cụ thể như sau:

- Năm 2019, Công ty phát hành một số dòng sản phẩm mới mang lại hiệu quả sản xuất kinh doanh tốt, dẫn đến Báo cáo Tài chính riêng năm 2019 có lợi nhuận sau thuế cao hơn năm 2018 sắp si 2,6 tỷ

- Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công là công ty con của HEID. Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công có lợi nhuận sau thuế cao hơn năm 2018 sắp si 778 triệu.

Do đó kéo theo lợi nhuận sau thuế trong Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 tăng so với năm 2018 (chênh lệch trên 10%)

Trân trọng báo cáo!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BTGD, KTT, BKS Công ty
- Lưu TCHC;

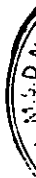
KT.CHỦ TỊCH HĐQT
PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT – TÔNG GD CÔNG TY



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
GIÁO DỤC HÀ NỘI**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019
(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06 - 46
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 11
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 46

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 310/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam và hoạt động theo Giấy đăng ký doanh nghiệp số 0102222393 (thay đổi lần 03) ngày 20/09/2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tòa nhà HEID, ngõ 12 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Văn Thắng	Chủ tịch
Ông Vũ Bá Khánh	Phó Chủ tịch
Bà Trần Thị Như Hà	Ủy viên
Bà Dương Thị Việt Hà	Ủy viên
Bà Đỗ Thị Phương	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Bá Khánh	Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Như Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Doãn Thoại	Phó Tổng Giám đốc
Bà Dương Thị Việt Hà	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thúy Hạnh	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Kim Anh	Ủy viên
Ông Phan Đức Minh	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;

- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội được lập ngày 18/03/2020, từ trang 06 đến trang 46, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Đỗ Thị Ngọc Dung
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0659-2018-002-1
Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2020

Nguyễn Trường Minh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2290-2018-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		372.314.692.614	340.056.009.956
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	68.289.134.329	53.846.818.651
111	1. Tiền		13.289.134.329	13.846.818.651
112	2. Các khoản tương đương tiền		55.000.000.000	40.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	20.012.959.200	15.120.950
121	1. Chứng khoán kinh doanh		118.776.400	118.776.400
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(105.817.200)	(103.655.450)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		20.000.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		49.649.241.743	88.195.899.680
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	49.084.215.448	58.928.986.112
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	12.361.342.417	36.693.825.516
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	6.579.373.266	6.803.870.017
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(18.375.689.388)	(14.230.781.965)
140	IV. Hàng tồn kho	10	199.004.883.426	176.493.240.286
141	1. Hàng tồn kho		207.245.396.897	179.324.617.170
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(8.240.513.471)	(2.831.376.884)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		35.358.473.916	21.504.930.389
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	34.405.632.741	20.697.634.970
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		613.054.972	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	339.786.203	807.295.419

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		95.769.247.885	106.056.964.528
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		225.800.000	255.800.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	225.800.000	255.800.000
220	II. Tài sản cố định		1.735.535.569	4.000.987.781
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	1.735.535.569	4.000.987.781
222	- Nguyên giá		12.452.914.873	12.024.314.134
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(10.717.379.304)	(8.023.326.353)
230	III. Bất động sản đầu tư	13	60.198.896.618	63.688.687.718
231	- Nguyên giá		87.244.777.643	87.244.777.643
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(27.045.881.025)	(23.556.089.925)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		300.000.000	300.000.000
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	300.000.000	300.000.000
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	5	27.530.931.258	28.019.971.047
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		16.093.981.258	15.556.871.047
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		17.581.750.000	17.581.750.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(8.144.800.000)	(6.118.650.000)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		2.000.000.000	1.000.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		5.778.084.440	9.791.517.982
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	110.208.000	1.604.585.346
269	2. Lợi thế thương mại	15	5.667.876.440	8.186.932.636
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		468.083.940.499	446.112.974.484

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		185.068.044.995	183.901.699.272
310	I. Nợ ngắn hạn		182.923.646.020	182.116.333.472
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	61.278.447.876	34.133.697.620
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		721.839.646	146.834.304
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	1.751.509.528	2.114.996.315
314	4. Phải trả người lao động		14.666.431.826	13.700.827.965
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	28.206.307.644	48.195.314.344
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	623.103.955	432.751.205
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	69.223.744.012	76.578.107.039
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		6.452.261.533	6.813.804.680
330	II. Nợ dài hạn		2.144.398.975	1.785.365.800
337	1. Phải trả dài hạn khác	19	1.930.237.000	1.785.365.800
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	33	214.161.975	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		283.015.895.504	262.211.275.212
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	283.015.895.504	262.211.275.212
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		150.000.000.000	150.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		150.000.000.000	150.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.934.655.948	1.934.655.948
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		71.600.088.528	60.924.766.958
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		19.238.020.574	17.239.379.502
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		38.774.757.399	31.658.042.100
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		5.478.943.355	1.936.810.741
421b	LNST chưa phân phối năm nay		33.295.814.044	29.721.231.359
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		1.468.373.055	454.430.704
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		468.083.940.499	446.112.974.484



Lương Ngọc Bích
 Người lập biểu



Nguyễn Thanh Bình
 Kế toán trưởng



Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2019

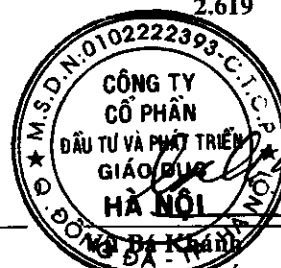
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	667.192.651.992	617.412.526.826
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24	14.602.301.225	18.309.801.314
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		652.590.350.767	599.102.725.512
11	4. Giá vốn hàng bán	25	477.947.235.914	435.694.873.178
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		174.643.114.853	163.407.852.334
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26	3.538.560.722	2.916.794.774
22	7. Chi phí tài chính	27	10.503.312.343	4.070.916.727
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		4.302.768.379	4.537.194.404
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		537.110.211	372.690.303
25	9. Chi phí bán hàng	28	70.713.256.161	63.496.417.376
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	40.748.161.312	45.523.832.635
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		56.754.055.970	53.606.170.673
31	12. Thu nhập khác	30	517.967.125	414.732.276
32	13. Chi phí khác	31	172.009.216	1.234.429.654
40	14. Lợi nhuận khác		345.957.909	(819.697.378)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		57.100.013.879	52.786.473.295
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	32	11.522.716.509	11.839.019.299
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	33	214.161.975	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		45.363.135.395	40.947.453.996
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		45.287.660.475	40.940.391.113
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		75.474.920	7.062.883
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	34	2.619	2.355



Lương Ngọc Bích
 Người lập biểu



Nguyễn Thanh Bình
 Kế toán trưởng



Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		57.100.013.879	52.786.473.295
	2. Điều chỉnh cho các khoản		20.598.167.729	17.780.310.482
02	- Khấu hao tài sản cố định và Bất động sản đầu tư		8.615.082.561	8.984.491.056
03	- Các khoản dự phòng		11.582.355.760	7.534.052.541
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(3.902.038.971)	(3.275.427.519)
06	- Chi phí lãi vay		4.302.768.379	4.537.194.404
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		77.698.181.608	70.566.783.777
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		35.077.114.454	(2.111.907.799)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(25.386.621.945)	(10.407.966.134)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải		6.406.680.293	10.736.045.254
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(11.928.012.906)	(8.424.997.163)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(4.311.729.296)	(4.541.646.024)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(12.012.129.107)	(11.275.743.486)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		110.000.000	15.000.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(6.411.088.070)	(5.163.658.905)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		59.242.395.031	39.391.909.520
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(340.783.053)	(663.447.000)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(21.000.000.000)	-
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.395.066.727	2.840.098.327
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(17.945.716.326)	2.176.651.327
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		385.333.147.017	359.636.489.019
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(392.687.510.044)	(368.886.598.831)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(19.500.000.000)	(19.500.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(26.854.363.027)	(28.750.109.812)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

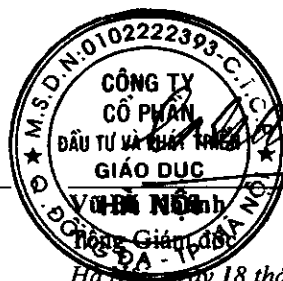
(Tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		14.442.315.678	12.818.451.035
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		53.846.818.651	41.028.367.616
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	68.289.134.329	53.846.818.651

m

Lương Ngọc Bích
Người lập biểu

Nguyễn Thanh Bình
Kế toán trưởng



Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Năm 2019

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 310/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký doanh nghiệp số 0102222393 (thay đổi lần 03) ngày 20/09/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tòa nhà HEID, ngõ 12 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 150.000.000.000 VND, tương đương 15.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh, phát hành sách và thiết bị giáo dục.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm là:

- Phát hành xuất bản phẩm;
- Phát hành sách hỗ trợ sách giáo khoa, sách tham khảo chất lượng cao, các sản phẩm giáo dục theo hướng đổi mới phương pháp dạy học, tự học và các loại sản phẩm giáo dục khác;
- Kinh doanh các sản phẩm thiết bị giáo dục, thiết bị văn phòng, các phần mềm giáo dục, văn phòng phẩm, vở học sinh, quần áo, đồng phục cho học sinh và lịch các loại;
- Thiết kế mỹ thuật, chế bản, tạo mẫu in (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Dịch vụ dịch thuật, phiên dịch, biên dịch và mua bán bản quyền tác giả;
- Tư vấn và cung cấp dịch vụ biên soạn, thiết kế nội dung chương trình dạy học, phòng học chuyên dùng và phương tiện dạy học;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực: Kinh doanh, phát hành sách và thiết bị giáo dục. Đặc thù ngành nghề kinh doanh này là mang tính thời vụ, các loại sách giáo khoa, sách hỗ trợ sách giáo khoa và sách tham khảo chủ yếu được phát hành và phân phối trong giai đoạn quý II và quý III hàng năm (là giai đoạn chuẩn bị cho năm học mới).

Cấu trúc tập đoàn

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2019 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	Hà Nội	100%	100%	Kinh doanh Bất động sản
Công ty Cổ phần Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Hà Nội	89,0%	89,0%	Dịch thuật, biên soạn và kinh doanh thiết bị giáo dục
Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị trường học Lạng Sơn	Lạng Sơn	66,0%	66,0%	Kinh doanh sách, thiết bị trường học

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng Chuẩn mực, Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con mua trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

2.4. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Định kỳ Công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

2.7. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư;
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được Công ty căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm đối với hoạt động kinh doanh sách: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định theo giá trị nguyên vật liệu đã xuất và đang còn tồn tại các đơn vị nhận gia công.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	02 năm
- Phương tiện vận tải	03 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm

2.11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	12 - 25 năm
--------------------------	-------------

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

2.12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.13. Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.14. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BBC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Khi đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu. Trong quá trình thực hiện hoạt động BCC, BCC được giao cho đối tác hạch toán toàn bộ doanh thu, chi phí, thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước và phân chia lợi nhuận sau thuế theo tỷ lệ quy định trong hợp đồng BCC.

2.15. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ và không được khấu trừ được hạch toán riêng; trường hợp không hạch toán riêng được thì thuế đầu vào được khấu trừ tính theo tỷ lệ (%) giữa doanh thu chịu thuế GTGT, doanh thu không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT so với tổng doanh thu của hàng hóa, dịch vụ bán ra bao gồm cả doanh thu không phải kê khai, tính nộp thuế không hạch toán riêng được. Đối với thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ, Công ty thực hiện phân bổ vào giá vốn hàng bán theo tỷ lệ giữa giá vốn hàng bán so với giá vốn hàng bán cộng với giá thành của hàng tồn kho.

2.16. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.17. Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

2.18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.19. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.20. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty;
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng hạn quản lý điều hành Công ty: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.21. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Doanh thu cho thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê hoạt động là doanh thu cho thuê tại tòa nhà K3B Thành Công địa chỉ K3B Ngõ 6A, phường Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội, được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê theo quy định của hợp đồng thuê.

2.22. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì Công ty ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì Công ty ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì Công ty ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.23. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan, được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.24. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác,...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.25. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

2.26. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.27. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.28. Thông tin bộ phận

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh vật tư, sách giáo dục và sách khác, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể (dưới 10%) trong kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và trong tổng giá trị tài sản. Đồng thời toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3. HỢP NHẤT KINH DOANH

Vào ngày 30/09/2019, Tập đoàn đã mua 66% cổ phần của Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị trường học Lạng Sơn, một Công ty cổ phần được thành lập theo Luật doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4900844797 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 05/03/2019. Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị trường học Lạng Sơn là kinh doanh sách, thiết bị trường học. Tập đoàn mua cho mục đích mở rộng kinh doanh.

Giá trị hợp lý của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được của Công ty Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị trường học Lạng Sơn vào ngày hợp nhất kinh doanh, lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất kinh doanh như sau:

Diễn giải	Giá trị ghi sổ tại thời điểm đạt được quyền kiểm soát	Các điều chỉnh theo giá trị hợp lý	Giá trị hợp lý tại thời điểm đạt được quyền kiểm soát
Tài sản			
Tiền và các khoản tương đương tiền	992.599.813	-	992.599.813
Phải thu khách hàng ngắn hạn	738.437.749	-	738.437.749
Phải thu ngắn hạn khác	30.060.214	-	30.060.214
Hàng tồn kho	2.534.157.782	-	2.534.157.782
Chi phí trả trước ngắn hạn	285.607.519	-	285.607.519
Thuế VAT đầu vào được khấu trừ	52.549.700	-	52.549.700
Tài sản cố định hữu hình (thuần)	263.453.053	-	263.453.053
Cộng tài sản	4.896.865.830	-	4.896.865.830
Nợ phải trả			
Nợ ngắn hạn	2.759.783.144	-	2.759.783.144
Cộng nợ phải trả	2.759.783.144	-	2.759.783.144
Tổng giá trị tài sản thuần	2.137.082.686		2.137.082.686
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát			317.408.113
Tổng giá trị tài sản thuần tương ứng với lợi ích của Tập đoàn (66%)			1.819.674.573
Tổng giá phí của khoản đầu tư này			1.980.000.000
Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh			160.325.427

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	581.187.564	665.490.874
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.707.946.765	13.181.327.777
Các khoản tương đương tiền (*)	55.000.000.000	40.000.000.000
	68.289.134.329	53.846.818.651

(*) Tại ngày 31/12/2019, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 - 03 tháng có giá trị 55.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hà Nội và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành với lãi suất 5,5%/năm.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	20.000.000.000	-	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn ⁽¹⁾	20.000.000.000	-	-	-
Đầu tư dài hạn	2.000.000.000	-	1.000.000.000	-
- Trái phiếu ⁽²⁾	2.000.000.000	-	1.000.000.000	-
	22.000.000.000	-	1.000.000.000	-

⁽¹⁾ Tại ngày 31/12/2019, khoản tiền gửi có kỳ hạn có thời gian đáo hạn còn lại dưới 12 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính có giá trị 20.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành với lãi suất 6,6%/năm.

⁽²⁾ Công ty mua 200 trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam trong năm 2017 (100 trái phiếu) và năm 2019 (100 trái phiếu) với mệnh giá trái phiếu là 10.000.000 VND/trái phiếu, kỳ hạn 10 năm với lãi suất thả nổi.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

b) Chứng khoán kinh doanh

Mã chứng khoán	31/12/2019			01/01/2019		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu chưa niêm yết ⁽³⁾	97.000.000	10.490.000	(86.510.000)	97.000.000	10.391.000	(86.609.000)
- Công ty CP Sông Đà - Thăng Long	STL 74.600.000	4.650.000	(69.950.000)	74.600.000	1.455.000	(73.145.000)
- Công ty CP Hồng Hà Việt Nam	PHH 22.400.000	5.840.000	(16.560.000)	22.400.000	8.936.000	(13.464.000)
Cổ phiếu đã niêm yết ⁽³⁾	21.776.400	2.469.200	(19.307.200)	21.776.400	4.729.950	(17.046.450)
- Công ty CP Mía đường Lam Sơn	LSS 21.500.000	2.450.000	(19.050.000)	21.500.000	4.698.750	(16.801.250)
- Công ty CP Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh	QNC 276.400	19.200	(257.200)	276.400	31.200	(245.200)
	118.776.400	12.959.200	(105.817.200)	118.776.400	15.120.950	(103.655.450)

⁽³⁾ Giá trị hợp lý của các cổ phiếu chưa niêm yết đang giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán UPCOM được xác định theo giá bình quân của cổ phiếu trên hệ thống tại ngày 28/12/2018 và ngày 31/12/2019. Giá trị hợp lý của các cổ phiếu đã niêm yết được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu tại ngày 28/12/2018 và ngày 31/12/2019 trên sàn giao dịch chứng khoán HNX và HOSE.

c) Đầu tư vào công ty liên kết

Địa chỉ	31/12/2019			01/01/2019		
	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu
			VND			VND
Công ty CP Sách Thiết bị trường học Hà Tây	Hà Nội 46,34%	46,34%	16.093.981.258	46,34%	46,34%	15.556.871.047
			16.093.981.258			15.556.871.047

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Mã chứng khoán	31/12/2019		01/01/2019	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND
- Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội ⁽⁴⁾	EPH	1.212.500.000	-	1.212.500.000	-
- Công ty CP Đầu tư xuất bản sách - Thiết bị trường học Việt Nam ⁽⁵⁾		6.000.000.000	(1.159.200.000)	6.000.000.000	(552.000.000)
- Công ty CP Đầu tư Tài chính Giáo dục ⁽⁶⁾	EFI	10.369.250.000	(6.985.600.000)	10.369.250.000	(5.566.650.000)
		17.581.750.000	(8.144.800.000)	17.581.750.000	(6.118.650.000)

⁽⁴⁾ Do khoản đầu tư không có giao dịch trên thị trường nên Công ty không xác định giá trị hợp lý theo giá giao dịch trên thị trường.

⁽⁵⁾ Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

⁽⁶⁾ Giá trị hợp lý được xác định căn cứ theo giá giao dịch bình quân của cổ phiếu EFI trên sàn giao dịch chứng khoán UPCOM tại ngày 28/12/2018 và ngày 31/12/2019 lần lượt là: 4.802.600.000 VND và 3.383.650.000 VND. Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 03/NQ-HĐQT ngày 11/04/2019 đã thông qua chủ trương bán toàn bộ số cổ phiếu của Công ty CP Đầu tư Tài chính Giáo dục (mã chứng khoán EFI) với số lượng 1.091.500 cổ phiếu, theo giá bán thỏa thuận và phương thức giao dịch khớp lệnh. Trong năm, Công ty chưa thực hiện được việc bán số cổ phiếu này.

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Hà Nội	4,85%	4,85%	Tổ chức biên soạn, biên tập, dịch thuật, thiết kế, minh họa chế bản sách giáo khoa
Công ty CP Đầu tư xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam	Hà Nội	5,52%	5,52%	Tổ chức xuất bản sách, thiết bị trường học
Công ty CP Đầu tư Tài chính Giáo dục	Hà Nội	10,03%	10,03%	Quản lý, khai thác và kinh doanh BĐS; Đầu tư tài chính

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	17.188.566.409	(10.117.117.367)	21.110.316.124	(10.554.186.562)
- Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Hưng Yên	3.958.138.703	-	5.503.391.770	(307.035.060)
- Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Nghệ An	3.612.769.325	-	-	-
- Công ty CP sách và Thiết bị trường học Hải Dương	2.716.780.280	-	3.076.043.774	(286.876.920)
- Các khách hàng khác	21.607.960.731	(2.239.242.266)	29.239.234.444	(3.060.883.423)
	49.084.215.448	(12.356.359.633)	58.928.986.112	(14.208.981.965)
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan	21.018.901.254	(10.117.117.367)	23.768.620.035	(10.554.186.562)
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 39)				

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nhà Máy in Bộ quốc phòng (trước đây là Nhà máy in Bộ tổng tham mưu)	9.154.989.313	-	17.422.621.831	-
Công ty TNHH Dịch vụ sách Nam An	-	-	2.089.275.717	-
Công ty CP in Khoa học Công nghệ Hà Nội	-	-	1.314.547.021	-
Các nhà cung cấp khác	3.206.353.104	(21.800.000)	15.867.380.947	(21.800.000)
	12.361.342.417	(21.800.000)	36.693.825.516	(21.800.000)



8. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu lãi tiền gửi	32.500.922	-	62.638.889	-
Tạm ứng	227.342.642	-	586.946.310	-
Ký cược, ký quỹ	135.000.000	-	180.179.000	-
Phải thu khác	6.184.529.702	(5.997.529.755)	5.974.105.818	-
- Dự án Xây dựng mở rộng mặt bằng sản xuất tại xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội (*)	6.044.629.755	(5.997.529.755)	5.874.105.818	-
- Các khoản phải thu khác	139.899.947	-	100.000.000	-
	6.579.373.266	(5.997.529.755)	6.803.870.017	-
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	225.800.000	-	255.800.000	-
	225.800.000	-	255.800.000	-

(*) Đây là khoản vốn góp của Công ty để thực hiện Hợp đồng số 47/2010/HĐGV ngày 15/07/2010 giữa Công ty và các bên gồm: Công ty CP In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội; Công ty CP Học liệu Giáo dục tại Hà Nội; Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Miền Bắc; Công ty CP Sách Giáo dục tại thành phố Hà Nội để cùng thực hiện Dự án xin cấp đất mở rộng mặt bằng sản xuất (làm kho, xưởng sản xuất) theo hình thức tài sản đồng kiểm soát.

Trong năm 2018, đại diện các bên góp vốn và chủ đầu tư (Công ty CP In Sách giáo khoa tại TP Hà Nội) đã họp và thống nhất chủ trương chuyển nhượng dự án, đảm bảo thu hồi vốn đầu tư trên nguyên tắc bảo toàn vốn. Tuy nhiên đến nay, chủ đầu tư vẫn chưa tìm được đối tác để triển khai thực hiện chủ trương này. Công ty đánh giá công tác tìm kiếm đối tác để chuyển nhượng lại dự án để thu hồi vốn là rất khó khăn. Do đó, trong năm Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng đối với khoản phải thu này.

9. NỢ XẤU

Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam (*)	16.902.821.809	6.785.704.442	21.108.373.124	10.554.186.562
Dự án Xây dựng mở rộng mặt bằng sản xuất tại xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, Hà	5.997.529.755	-	-	-
Các đối tượng nợ phải thu khác	3.029.561.586	768.519.320	7.746.921.482	4.070.326.079
	25.929.913.150	7.554.223.762	28.855.294.606	14.624.512.641

Giá trị có thể thu hồi nêu trên được xác định bằng giá gốc trừ đi phần dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập cho các đối tượng phải thu này. Ban Tổng giám đốc Công ty đang thực hiện mọi biện pháp nhằm thu hồi toàn bộ các khoản nợ phải thu khó đòi này.

(*) Do tình hình tiêu thụ bộ sách Tiếng anh Express gặp nhiều khó khăn nên Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam chưa thể thanh toán khoản công nợ mua sách phát sinh từ năm 2017 theo đúng thời hạn thanh toán được quy định trong các hợp đồng mua bán. Căn cứ vào sổ nợ quá hạn và thời gian quá hạn thanh toán với công ty này, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	78.446.366.273	-	87.688.742.246	-
Công cụ, dụng cụ	19.099.092	-	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	44.525.345.869	-	13.225.567.039	-
Thành phẩm	32.774.138.490	(8.240.513.471)	26.230.777.548	(2.831.376.884)
Hàng hoá	47.741.367.137	-	45.854.560.391	-
Hàng gửi đi bán	3.739.080.036	-	6.324.969.946	-
	207.245.396.897	(8.240.513.471)	179.324.617.170	(2.831.376.884)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là thành phẩm được trích lập do giá trị các loại sách chậm luân chuyển, đã lạc hậu về nội dung, cũ nát, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ và đang chờ thanh lý. Các loại sách này sẽ được Công ty xem xét biện pháp thanh lý khi hết mùa vụ phát hành.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ chờ phân bổ ⁽¹⁾	13.207.875.127	11.372.329.333
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	224.430.679	-
- Chi phí thuê cửa hàng, thuê kho chờ phân bổ	3.229.867.987	3.225.953.637
- Chi phí bán thảo, chi phí quản lý xuất bản chờ phân bổ ⁽²⁾	17.743.458.948	6.099.352.000
	34.405.632.741	20.697.634.970
b) Dài hạn		
- Chi phí mua bản quyền in sách	110.208.000	1.159.642.410
- Chi phí thuê kho, sửa chữa cửa hàng	-	444.942.936
	110.208.000	1.604.585.346

⁽¹⁾ Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ được phân bổ vào giá vốn hàng bán căn cứ theo tỷ lệ giữa Giá vốn hàng bán so với giá vốn hàng bán cộng với giá thành của hàng tồn kho.

⁽²⁾ Phí bán thảo, phí quản lý xuất bản được ghi nhận căn cứ theo hóa đơn tài chính của Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội và được phân bổ vào giá thành căn cứ vào số lượng sách in nhập kho trong năm.

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	-	11.011.260.988	1.013.053.146	12.024.314.134
- Mua trong năm	-	-	77.330.000	77.330.000
- Tăng do mua công ty con	351.270.739	-	-	351.270.739
Số dư cuối năm	351.270.739	11.011.260.988	1.090.383.146	12.452.914.873
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	7.435.637.096	587.689.257	8.023.326.353
- Khấu hao trong năm	43.908.843	2.305.130.855	257.195.567	2.606.235.265
- Tăng do mua công ty con	87.817.686	-	-	87.817.686
Số dư cuối năm	131.726.529	9.740.767.951	844.884.824	10.717.379.304
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	-	3.575.623.892	425.363.889	4.000.987.781
Tại ngày cuối năm	219.544.210	1.270.493.037	245.498.322	1.735.535.569

Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 6.635.078.316 VND.

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư là tòa nhà K3B Thành Công tại địa chỉ K3B Ngõ 6A, phường Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội với nguyên giá là 87.244.777.643 VND, giá trị hao mòn lũy kế tại ngày 31/12/2019 là 27.045.881.025 VND trong đó khấu hao trong năm là 3.489.791.100 VND.

Bất động sản đầu tư này đang được sử dụng để cho thuê và được dùng để đảm bảo cho Hợp đồng vay tín dụng số 01/2018-HĐCVHM/NHCT106-HEID ngày 29/06/2018 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội.

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công trình Trung tâm xuất bản - Phát hành Sách giáo khoa (*)	300.000.000	300.000.000
	<u>300.000.000</u>	<u>300.000.000</u>

(*) Theo Hợp đồng góp vốn số 1B/2010/HĐGV ngày 08/07/2010, Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội và Công ty TNHH Một thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam đã thống nhất thực hiện góp vốn để cùng đầu tư xây dựng công trình cao tầng tại quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội thuộc Dự án "Xây dựng Trung tâm xuất bản - Phát hành Sách giáo khoa". Hiện tại dự án này đang tạm dừng đầu tư.

15. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Lợi thế thương mại phát sinh tại ngày mua Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công và Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị trường học Lạng Sơn (công ty con) với tổng giá trị là 25.350.887.386 VND, trong đó:

- Lợi thế thương mại phát sinh tại ngày mua Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công với giá trị 25.190.561.959 VND được phân bổ trong vòng 10 năm (120 tháng), thời gian phân bổ còn lại là 33 tháng tương ứng giá trị còn lại là 5.667.876.440 VND. Lợi thế thương mại đã phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm là 2.519.056.196 VND;
- Lợi thế thương mại phát sinh tại ngày mua Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị trường học Lạng Sơn với giá trị 160.325.427 VND được phân bổ toàn bộ vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm 2019.

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẪN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	24.183.517.878	24.183.517.878	8.745.521.502	8.745.521.502
- Công ty TNHH Phần mềm và Giải pháp Sao Khuê	7.076.150.430	7.076.150.430	-	-
- Công ty TNHH Dịch vụ sách Nam An	3.092.573.276	3.092.573.276	-	-
- Phải trả cho các đối tượng khác	26.926.206.292	26.926.206.292	25.388.176.118	25.388.176.118
	61.278.447.876	61.278.447.876	34.133.697.620	34.133.697.620
b) Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 39)	25.394.790.487	25.394.790.487	14.006.455.126	14.006.455.126

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	526.033.941	3.913.034.330	3.912.750.179	-	526.318.092
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.250.274.109	11.522.716.509	12.012.129.107	-	760.861.511
Thuế thu nhập cá nhân	802.452.419	336.482.137	5.931.918.706	5.338.089.650	334.943.203	462.801.977
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	246.629.241	246.629.241	-	-
Các loại thuế khác	4.843.000	2.206.128	37.717.791	38.395.971	4.843.000	1.527.948
	807.295.419	2.114.996.315	21.652.016.577	21.547.994.148	339.786.203	1.751.509.528

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Chi phí lãi vay	63.787.174	72.748.091
Trích trước chi phí tổ chức bản thảo, công in, tổ chức và quản lý xuất bản	24.327.699.444	40.195.595.541
Trích trước chi phí xây dựng, duy trì, vận hành, phát triển và khai thác sách mềm	-	4.832.585.522
Trích trước chi phí bản quyền và dịch sách	1.046.653.242	646.413.242
Chi phí phải trả khác	2.768.167.784	2.447.971.948
	28.206.307.644	48.195.314.344

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	328.121.801	302.944.291
Các khoản phải trả, phải nộp khác	294.982.154	129.806.914
- <i>Cổ tức lợi nhuận phải trả</i>	14.000.000	14.000.000
- <i>Phải trả, phải nộp khác</i>	280.982.154	115.806.914
	623.103.955	432.751.205
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược	1.930.237.000	1.785.365.800
	1.930.237.000	1.785.365.800

20. VAY NGẮN HẠN

	01/01/2019		Trong năm		31/12/2019	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
		trả nợ				trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	53.497.663.292	53.497.663.292	219.268.760.985	240.082.942.046	32.683.482.231	32.683.482.231
Ngân hàng TNHH MTV SHINHAN Việt Nam	23.080.443.747	23.080.443.747	12.164.434.428	35.244.878.175	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	-	-	153.899.951.604	117.359.689.823	36.540.261.781	36.540.261.781
	76.578.107.039	76.578.107.039	385.333.147.017	392.687.510.044	69.223.744.012	69.223.744.012

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng của Công ty như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Hình thức đảm bảo	31/12/2019	01/01/2019
				VND	VND
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	VND	Theo từng khế ước	Tài sản gắn liền với đất của Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	32.683.482.231	53.497.663.292
- Ngân hàng TNHH MTV SHINHAN Việt Nam	VND	Theo từng khế ước	Quyền sở hữu và lợi ích trong các hợp đồng mua bán/cung cấp hàng hóa dịch vụ mà bên thế chấp có quyền sở hữu	-	23.080.443.747
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	VND	Theo từng khế ước	Quyền sở hữu và lợi ích (trừ lãi bằng tiền mặt) của trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	36.540.261.781	-
				69.223.744.012	76.578.107.039

Mục đích của các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng của Công ty là bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đồng không	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	150.000.000.000	1.934.655.948	51.824.750.747	15.369.519.543	26.776.476.873	447.367.821	246.352.770.932
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	40.940.391.113	7.062.883	40.947.453.996
Trả cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	(19.500.000.000)	-	(19.500.000.000)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	5.360.296.293	-	(5.360.296.293)	-	-
Tạm phân phối lợi nhuận 2018	-	-	3.739.719.918	1.869.859.959	(11.219.159.754)	-	(5.609.579.877)
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	3.739.719.918	1.869.859.959	(5.609.579.877)	-	-
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(3.739.719.918)	-	(3.739.719.918)
- Trích Quỹ điều hành của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	-	-	-	-	(1.869.859.959)	-	(1.869.859.959)
Điều chỉnh do giảm thuế TNDN phải nộp năm trước	-	-	-	-	20.630.161	-	20.630.161
Số dư cuối năm trước	150.000.000.000	1.934.655.948	60.924.766.958	17.239.379.502	31.658.042.100	454.430.704	262.211.275.212
Lãi trong năm	-	-	-	-	45.287.660.475	75.474.920	45.363.135.395
Trả cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	(19.500.000.000)	-	(19.500.000.000)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	6.678.039.427	-	(6.678.039.427)	-	-
Tạm phân phối lợi nhuận năm 2019	-	-	3.997.282.143	1.998.641.072	(11.991.846.431)	-	(5.995.923.216)
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	3.997.282.143	1.998.641.072	(5.995.923.215)	-	-
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(3.997.282.144)	-	(3.997.282.144)
- Trích Quỹ điều hành của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	-	-	-	-	(1.998.641.072)	-	(1.998.641.072)
Do mua công ty con trong năm	-	-	-	-	-	937.408.113	937.408.113
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	(1.059.318)	1.059.318	-
Số dư cuối năm	150.000.000.000	1.934.655.948	71.600.088.528	19.238.020.574	38.774.757.399	1.468.373.055	283.015.895.504

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 06/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2019, Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế năm 2018 trên Báo cáo tài chính riêng		37.397.199.181
Đã tạm phân phối trong năm 2018 như sau		11.219.159.754
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	10%	3.739.719.918
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	10%	3.739.719.918
- Trích Quỹ điều hành của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	5%	1.869.859.959
- Quỹ bổ sung vốn điều lệ	5%	1.869.859.959
Phân phối phần lợi nhuận năm 2018 còn lại trong năm nay		26.178.039.427
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	18%	6.678.039.427
- Chi trả cổ tức	13%/cổ phần	19.500.000.000
(Tương ứng mỗi cổ phần nhận 1.300 VND)		
Lợi nhuận năm 2018 còn lại chưa phân phối		-

Căn cứ theo phương án phân chia kết quả kinh doanh năm 2019 của Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 06/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2019, Công ty đã tạm phân phối lợi nhuận năm 2019 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế năm 2019 trên Báo cáo tài chính riêng		39.972.821.431
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	10%	3.997.282.143
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	10%	3.997.282.144
Trích Quỹ điều hành của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	5%	1.998.641.072
Quỹ bổ sung vốn điều lệ	5%	1.998.641.072

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2019 VND	Tỷ lệ %	01/01/2019 VND	Tỷ lệ %
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	60.246.000.000	40,16%	60.246.000.000	40,16%
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục	7.581.890.000	5,06%	7.581.890.000	5,06%
Peter Eric Dennis	7.816.000.000	5,21%	7.816.000.000	5,21%
Các cổ đông khác	74.356.110.000	49,57%	74.356.110.000	49,57%
Cộng	150.000.000.000	100%	150.000.000.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	150.000.000.000	150.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	150.000.000.000	150.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	14.000.000	14.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	19.500.000.000	19.500.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	19.500.000.000	19.500.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	19.500.000.000	19.500.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	19.500.000.000	19.500.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả cuối năm	14.000.000	14.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu		

e) Các quỹ của Công ty

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	71.600.088.528	60.924.766.958
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	19.238.020.574	17.239.379.502
	90.838.109.102	78.164.146.460

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuê ngoài

Công ty thuê văn phòng, cửa hàng và các nhà kho theo hợp đồng thuê hoạt động. Tại thời điểm 31/12/2019, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	5.154.441.327	4.320.425.000
- Từ 1 năm đến 5 năm	2.898.181.820	1.178.000.000
- Trên 5 năm	1.022.727.275	-

Ngoài ra, Công ty TNHH Một thành viên Hồng Hà Thành Công (Công ty con) ký hợp đồng thuê đất tại số K3b, ngõ 6A, phố Thành Công, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội với Nhà nước nhằm mục đích sử dụng đất để đầu tư xây dựng và kinh doanh công trình tòa nhà văn phòng cho thuê, thời hạn thuê 50 năm kể từ ngày 10/08/2009. Diện tích đất thuê là 1.023 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho Nhà nước cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành.

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Công ty CP Hồng Hà Dầu khí	1.138.437.100	1.138.437.100
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển nhà số 12	298.772.860	298.772.860
- Các đối tượng khác	2.163.877.841	2.163.877.841
	3.601.087.801	3.601.087.801

23. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	659.729.262.713	608.984.993.026
- Doanh thu sách giáo khoa, sách bổ trợ	389.376.517.816	332.165.028.371
- Doanh thu sách tham khảo	167.050.061.539	159.318.207.360
- Doanh thu bán vật tư	52.460.441.752	60.507.742.138
- Doanh thu thiết bị giáo dục, hàng khai thác ngoài, khác	50.842.241.606	56.994.015.157
Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.463.389.279	8.427.533.800
	667.192.651.992	617.412.526.826
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 39)	125.192.464.187	120.614.675.954

24. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	9.601.942.654	12.844.816.232
Hàng bán bị trả lại	5.000.358.571	5.464.985.082
	14.602.301.225	18.309.801.314

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	466.137.844.117	430.450.323.044
- Giá vốn bán sách giáo khoa, sách bổ trợ	255.810.154.334	207.965.509.275
- Giá vốn bán sách tham khảo	131.079.531.854	125.120.509.776
- Giá vốn bán vật tư	52.318.229.379	61.642.414.793
- Giá vốn bán thiết bị giáo dục, hàng khai thác ngoài, khác	26.929.928.550	35.721.889.200
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	6.400.255.210	6.905.011.005
Dự phòng/ Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	5.409.136.587	(1.660.460.871)
	477.947.235.914	435.694.873.178

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.293.241.260	1.831.362.216
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.071.687.500	1.071.375.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	173.631.962	14.057.558
	3.538.560.722	2.916.794.774
Doanh thu hoạt động tài chính đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 39)	950.000.000	950.000.000

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền vay	4.302.768.379	4.537.194.404
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	4.169.053.026	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	2.028.311.750	(471.621.200)
Chi phí tài chính khác	3.179.188	5.343.523
	10.503.312.343	4.070.916.727

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.148.595.986	329.805.469
Chi phí nhân công	23.272.491.125	23.222.129.549
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	134.836.222	320.848.821
Chi phí khấu hao tài sản cố định	372.083.023	372.083.040
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.647.646.469	21.006.731.627
Chi phí khác bằng tiền	23.137.603.336	18.244.818.870
	70.713.256.161	63.496.417.376

29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.453.455.567	3.237.706.370
Chi phí nhân công	14.865.215.496	13.444.190.672
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	518.130.341	315.750.641
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.234.152.242	2.603.560.720
Thuế, phí và lệ phí	501.258.481	471.341.376
Chi phí dự phòng	4.144.907.423	9.666.134.612
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.131.927.167	5.858.184.392
Chi phí khác bằng tiền	6.219.732.972	7.407.907.656
Lợi thế thương mại	2.679.381.623	2.519.056.196
	40.748.161.312	45.523.832.635

30. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Nhận tài trợ bản quyền dịch sách	158.043.984	270.684.987
Thu từ thanh lý hàng tồn kho	253.543.636	-
Các khoản khác	106.379.505	144.047.289
	517.967.125	414.732.276

31. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí từ nhận tài trợ chi phí bản quyền dịch sách	-	67.671.247
Xử lý chi phí sản xuất kinh doanh dở dang không thể thu hồi	-	703.799.505
Các khoản bị phạt	-	257.758.883
Các khoản khác	172.009.216	205.200.019
	172.009.216	1.234.429.654

32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	9.853.947.677	10.180.662.921
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại các Công ty con	1.668.768.832	1.658.356.378
Chi phí thuế TNDN hiện hành	11.522.716.509	11.839.019.299

33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Thuế suất Thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	214.161.975	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	214.161.975	-

b) Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	214.161.975	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	214.161.975	-

34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	45.287.660.475	40.940.391.113
Các khoản điều chỉnh :	(5.995.923.216)	(5.609.579.877)
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi, Quỹ khen thưởng ban điều hành ^(*)</i>	(5.995.923.216)	(5.609.579.877)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	39.291.737.259	35.330.811.236
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	15.000.000	15.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.619	2.355

^(*) Công ty tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi, Quỹ khen thưởng ban điều hành theo phương án phân chia kết quả kinh doanh năm 2019 của Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 06/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2019.

35. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	218.247.785.531	161.909.607.786
Chi phí nhân công	39.305.278.383	38.803.565.354
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	652.966.563	663.658.553
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.096.026.365	6.465.434.860
Thuế, phí và lệ phí	527.693.867	505.634.868
Chi phí dự phòng	4.144.907.423	9.666.134.612
Chi phí dịch vụ mua ngoài	120.776.673.589	117.655.363.501
Chi phí khác bằng tiền	32.230.897.085	25.862.198.664
Lợi thế thương mại	2.519.056.196	2.519.056.196
	424.501.285.002	364.050.654.394

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	68.289.134.329	-	53.846.818.651	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	55.889.388.714	(18.353.889.388)	65.988.656.129	(14.208.981.965)
Các khoản cho vay	22.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn	118.776.400	(105.817.200)	118.776.400	(103.655.450)
Đầu tư dài hạn	11.581.750.000	(6.985.600.000)	11.581.750.000	(5.566.650.000)
	157.879.049.443	(25.445.306.588)	132.536.001.180	(19.879.287.415)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	69.223.744.012	76.578.107.039
Phải trả người bán, phải trả khác	63.831.788.831	36.351.814.625
Chi phí phải trả	28.206.307.644	48.195.314.344
	161.261.840.487	161.125.236.008

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2019				
Đầu tư ngắn hạn	12.959.200	-	-	12.959.200
Đầu tư dài hạn	-	4.596.150.000	-	4.596.150.000
Cộng	12.959.200	4.596.150.000	-	4.609.109.200
Tại ngày 01/01/2019				
Đầu tư ngắn hạn	15.120.950	-	-	15.120.950
Đầu tư dài hạn	-	6.015.100.000	-	6.015.100.000
Cộng	15.120.950	6.015.100.000	-	6.030.220.950

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay, khoản đầu tư trái phiếu và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	68.289.134.329	-	-	68.289.134.329
Phải thu khách hàng, phải thu khác	37.309.699.326	225.800.000	-	37.535.499.326
Các khoản cho vay	20.000.000.000	-	2.000.000.000	22.000.000.000
Cộng	125.598.833.655	225.800.000	2.000.000.000	127.824.633.655
Tại ngày 01/01/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	53.846.818.651	-	-	53.846.818.651
Phải thu khách hàng, phải thu khác	51.523.874.164	255.800.000	-	51.779.674.164
Các khoản cho vay	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	105.370.692.815	255.800.000	1.000.000.000	106.626.492.815

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2019				
Vay và nợ	69.223.744.012	-	-	69.223.744.012
Phải trả người bán, phải trả khác	61.901.551.831	1.930.237.000	-	63.831.788.831
Chi phí phải trả	28.206.307.644	-	-	28.206.307.644
	159.331.603.487	1.930.237.000	-	161.261.840.487
Tại ngày 01/01/2019				
Vay và nợ	76.578.107.039	-	-	76.578.107.039
Phải trả người bán, phải trả khác	34.566.448.825	1.785.365.800	-	36.351.814.625
Chi phí phải trả	48.195.314.344	-	-	48.195.314.344
	159.339.870.208	1.785.365.800	-	161.125.236.008

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

37. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

a) Số tiền đi vay thực thu trong năm

Toàn bộ số tiền vay nhận được phản ánh trên Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là tiền thực thu từ đi vay theo kế ước thông thường.

b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

Toàn bộ số tiền vay đã trả trong năm phản ánh trên Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là tiền thực trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường.

38. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

39. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu bán hàng hóa		125.192.464.187	120.614.675.954
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty mẹ	415.749.185	344.669.809
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Hà Tây	Công ty liên kết	41.084.160.905	36.675.144.501
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng Tập đoàn	68.084.712	118.350.633
Nhà xuất bản Giáo dục tại thành phố Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	1.202.520	
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học thành phố Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	19.729.543.920	18.972.111.120
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Hà Tĩnh	Cùng Tập đoàn	11.135.884.790	11.568.342.324
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	8.362.676.380	7.550.281.399
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Cùng Tập đoàn	21.305.413.734	22.222.022.572
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Cùng Tập đoàn	6.283.042.778	4.995.486.084
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Cùng Tập đoàn	1.141.806.536	1.975.729.429
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Cùng Tập đoàn	-	3.682.800
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Cùng Tập đoàn	4.453.547.728	5.045.161.311
Công ty CP Sách giáo dục tại thành phố Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	44.781.000	305.195.236
Công ty CP Sách Giáo dục tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	716.652.700	245.897.043
Công ty CP Sách Giáo Dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	-	731.503.999
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Điện Biên	Cùng Tập đoàn	10.430.189.475	9.719.420.463
Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề	Cùng Tập đoàn	19.727.824	60.507.370
Công ty CP Đầu tư & Xuất bản giáo dục	Cùng Tập đoàn	-	2.841.080
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Cần Thơ	Cùng Tập đoàn	-	70.457.905
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Tiền Giang	Cùng Tập đoàn	-	7.870.876

Giao dịch phát sinh trong năm (tiếp theo):

	Mối quan hệ	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Cổ tức và lợi nhuận được chia		1.071.250.000	1.071.250.000
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn	121.250.000	121.250.000
Công ty CP Sách Thiết bị trường học Hà Tây	Công ty liên kết	950.000.000	950.000.000
Chi phí thuê kho, thuê văn phòng, dịch vụ khác		2.295.186.880	2.009.476.697
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng Tập đoàn	1.645.442.979	1.658.652.727
Công ty CP In sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	649.743.901	350.823.970
Mua vật tư, hàng hóa, Phí tổ chức và quản lý xuất bản		104.032.514.336	83.834.994.541
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty mẹ	1.182.816.236	-
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng Tập đoàn	59.995.295.913	51.739.340.827
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Hà Tây	Công ty liên kết	246.517.096	142.359.618
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Cùng Tập đoàn	301.640.251	218.743.732
Công ty CP Sách Dân tộc	Cùng Tập đoàn	6.658.832.760	4.800.220.577
Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề	Cùng Tập đoàn	8.989.641.428	4.231.484.755
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	362.353.104	103.136.260
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Cùng Tập đoàn	29.562.000	-
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn	9.729.790.957	10.480.541.049
Công ty CP Học liệu	Cùng Tập đoàn	450.000.000	5.043.324.207
Công ty CP Mỹ thuật và Truyền thông	Cùng Tập đoàn	1.777.003.106	48.783.689
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Cùng Tập đoàn	10.342.705.360	5.522.618.419
Công ty CP In sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	2.301.748.064	1.504.441.408
Công ty CP Sách giáo dục tại thành phố Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	74.040.540	-
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Gia Định	Cùng Tập đoàn	100.295.685	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Trường Phổ thông Công nghệ Giáo dục	Cùng Tập đoàn	766.826.400	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Phương Nam	Cùng Tập đoàn	723.445.436	-

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Mối quan hệ	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		21.018.901.254	23.768.620.035
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty mẹ	331.337.464	255.880.128
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Hà Tĩnh	Cùng Tập đoàn	31.454.086	41.953.973
Công ty CP Sách Dân tộc	Cùng Tập đoàn	11.914.378	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	1.523.587.276	-
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Cùng Tập đoàn	334.288.059	395.362.735
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Cùng Tập đoàn	1.420.404.999	1.737.111.280
Công ty CP Sách Giáo Dục tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	-	56.463.700
Công ty CP Sách Thiết bị trường học thành phố Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	144.423.883	80.368.462
Công ty CP Sách Giáo Dục tại thành phố Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	-	82.388.633
Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề	Cùng Tập đoàn	-	8.775.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Phương Nam	Cùng Tập đoàn	17.188.566.409	21.110.316.124
Công ty CP Sách Thiết bị trường học Cần Thơ	Cùng Tập đoàn	32.924.700	-
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		100.000.000	10.959.810
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Điện Biên	Cùng Tập đoàn	-	10.959.810
Công ty CP Sách Giáo Dục tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	100.000.000	-
Phải trả cho người bán ngắn hạn		25.394.790.487	14.006.455.126
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng Tập đoàn	24.183.517.878	8.745.521.502
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Cùng Tập đoàn	-	46.050.036
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	-	3.483.555.843
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Cùng Tập đoàn	19.001.860	19.001.860
Công ty CP sách và thiết bị trường học Hà Tây	Cùng Tập đoàn	-	284.000
Công ty CP Bàn đồ và Tranh ảnh giáo dục	Cùng Tập đoàn	-	1.169.280
Công ty CP Sách Dân tộc	Cùng Tập đoàn	11.923.378	11.914.378
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn	1.180.347.371	1.676.642.627
Công ty CP Sách giáo dục tại thành phố Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	-	22.315.600

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	985.014.668	814.282.591
Thu nhập của thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	2.269.948.800	2.355.197.630

40. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. *m*



Lương Ngọc Bích
Người lập biểu



Nguyễn Thanh Bình
Kế toán trưởng



Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2020

